

Môn: **TÂM LÝ KD**
CBGD: **Nguyễn Thị Bảo Nghi**

Nhóm: **01**

Mã sinh viên	STT	Họ lót	Tên	Đ.QT	thi	Đ.HP
2119120106	1	Lê Thanh	An			
2120260001	2	Trần Ngọc	An	8.4	6.0	7.0
2120120003	3	Cao Thế	Anh	7.8	7.5	7.6
2120270186	4	Nguyễn Lạc Lam	Anh	8.0	8.0	8.0
2120120036	5	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	1.9		0.8
2118120358	6	Cam Thị	Chù	8.4	7.5	7.9
2120120005	7	Nguyễn Phúc	Duy	8.0	6.5	7.1
2120260038	8	Nguyễn Ngọc Khánh	Đoan	8.2	7.5	7.8
2120270219	9	Nguyễn Thanh Hoàng	Gia	8.9	8.0	8.4
2120270147	10	Huỳnh Nhất	Giang	7.8	7.0	7.3
2120270220	11	Mai Nguyễn Huỳnh	Giao	8.3	7.5	7.8
2120260007	12	Bùi Thị Khánh	Hà	8.0	7.0	7.4
2120260043	13	Nguyễn Thị Thu	Hằng	8.5	8.5	8.5
2120260044	14	Lê Thị Thu	Hậu	7.8	6.5	7.0
2120260010	15	Nguyễn Thị Trúc	Hiền	8.1	6.0	6.8
2120120009	16	Nguyễn Thị Thu	Hồng	8.0	6.5	7.1
2120120077	17	Phạm Thị	Hồng	8.4	7.5	7.9
2120120626	18	Nguyễn Mạnh	Hùng	4.1	7.0	5.9
2120120079	19	Lâm Lê Quang	Huy	9.0	8.0	8.4
2120120362	20	Nguyễn Phan Zon	Huy	7.6	8.0	7.9
2120270191	21	Lê Thị Thu	Huyền	7.9	7.5	7.7
2120270045	22	Nguyễn Thị Thu	Hương	8.0	5.0	6.2
2120270151	23	Nguyễn Duy	Khải	8.0	6.0	6.8
2120270221	24	Trần Minh	Khoa	9.0	8.0	8.4
2120120044	25	Đặng Lê Mỹ	Kiều	1.9	5.5	4.1
2120120187	26	Nguyễn Thị Thu	Kiều	8.1	7.0	7.5
2120260050	27	Nguyễn Thị Tuyết	Lan	7.8	7.5	7.6
2120120160	28	Hoàng Thị Hồng	Liên	7.9	6.0	6.8
2120120638	29	Huỳnh Thị Kim	Liên	8.0	7.5	7.7
2120120046	30	Đỗ Thị Mỹ	Linh	0.0		0.0
2120120047	31	Trần Thị	Linh	7.9	7.0	7.4
2120120161	32	Trương Khánh	Linh	7.9	7.5	7.7
2120260052	33	Lương Thị	Ly	7.8	7.0	7.3
2120270205	34	Nguyễn Thị Kim	Ly	8.5	7.5	7.9
2120270194	35	Lê Nguyễn Trà	My	8.3	8.0	8.1
2120270225	36	Nguyễn Ngọc Trà	My	8.4	7.5	7.9
2120120049	37	Nguyễn Thị Diễm	My	8.1	7.5	7.7
2120200014	38	Nguyễn Tiến	Nam	9.0	7.0	7.8
2120120053	39	Nguyễn Phương Hồng	Ngọc	7.6	6.5	7.0

2120270161	40	Phạm Thị Như	Ngọc	8.1	6.5	7.2
2120260018	41	Võ Thị Bé	Ngọc	7.6	6.5	7.0
2120270227	42	Phan Hoài	Nhân	8.1	6.5	7.2
2120270228	43	Huỳnh Triệu Ái	Nhi	8.0	7.5	7.7
2120260057	44	Lê Thị Thảo	Nhi	7.6	7.5	7.5
2117240216	45	Nguyễn Thị Hoàng	Nhi	7.8	5.5	6.4
2120120127	46	Tô Thị Tuyết	Nhi	8.3	7.5	7.8
2120120132	47	Nguyễn Hồng	Như	8.6	7.5	8.0
2120270207	48	Trần Thị Phương	Oanh	7.9	7.5	7.7
2120270229	49	Hồ Thị Thanh	Phượng	9.3	7.5	8.2
2120270167	50	Lê Thị Hồng	Phượng	8.1	7.5	7.7
2120120024	51	Lê Vinh	Quang	7.6	7.0	7.3
2120120059	52	Nguyễn Minh Thành	Quý	7.6	6.0	6.7
2117200140	53	Châu Hồng	Sơn	0.0		0.0
2120120060	54	Nguyễn	Sơn	0.0		0.0
2120120061	55	Nguyễn Thị Hồng	Sương	7.8	7.5	7.6
2120270201	56	Hoàng Thanh	Tâm	8.3	6.5	7.2
2120270169	57	Thái Thị Thanh	Thảo	8.3	7.0	7.5
2120120642	58	Đặng Chí	Thông	3.8	7.0	5.7
2120120026	59	Nguyễn Thị Bé	Thùy	7.9	6.0	6.8
2120260028	60	Nguyễn Bích	Thủy	7.8	7.0	7.3
2120120065	61	Trần Thị Thanh	Thúy	8.0	6.0	6.8
2120120028	62	Trình Thị Hoài	Thương	7.6	5.0	6.1
2120270232	63	Đoàn Thị Cẩm	Tiên	8.5	8.0	8.2
2120270170	64	Trần Quốc	Tín	8.0	7.5	7.7
2120170277	65	Nguyễn Văn	Toàn	1.6	6.5	4.6
2120120100	66	Đoàn Thị Thùy	Trang	8.5	6.5	7.3
2120270183	67	Sầm Thị	Trang	8.0	6.5	7.1
2120120032	68	Nguyễn Ngọc Diễm	Trân	7.6	3.5	5.2
2119120136	69	Nguyễn Tiền Thuận	Trình	6.4	7.0	6.8
2120270234	70	Huỳnh Văn	Trọng	8.3	6.5	7.2
2120120632	71	Phạm Quang	Trường	7.1	7.0	7.1
2120270236	72	Đặng Thanh	Tùng	7.6	6.5	7.0
2119120417	73	Dương Văn	Tuyền	8.3	7.0	7.5
2120270172	74	Lê Thị Tú	Vân	7.8	5.0	6.1
2120120103	75	Đỗ Thị Thúy	Vi	8.0	6.5	7.1
	76	Trần Thị Phương	Anh	1.9		0.8